

Số: /BC-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX)
năm 2020 của tỉnh Ninh Thuận

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” và Công văn số 383/BNV-CCHC ngày 28/01/2021 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số Cải cách hành chính cấp tỉnh;

Trên cơ sở kết quả Chỉ số Cải cách hành chính năm 2020 (PAR INDEX) được Bộ Nội vụ công bố ngày 24/6/2021 và ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương tại cuộc họp ngày 14/7/2021;

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận báo cáo phân tích Chỉ số Cải cách hành chính năm 2020 của tỉnh với những nội dung cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2020:

I. Giới thiệu chung về Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX):

Năm 2020, Bộ Nội vụ thực hiện đánh giá, chấm điểm PAR INDEX theo Bộ chỉ số mới ban hành kèm theo Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 (*thay thế Quyết định số 1150/QĐ-BNV ngày 30/12/2019 của Bộ Nội vụ*). Tại Quyết định này, nhiều tiêu chí mới được bổ sung, sửa đổi nhằm đánh giá sát hơn, yêu cầu cao hơn đối với kết quả đạt được trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) của các bộ, ngành, địa phương. Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC cấp tỉnh được cấu trúc thành 8 lĩnh vực đánh giá, 43 tiêu chí, 102 tiêu chí thành phần với thang điểm là 100 điểm.

Các nội dung của PAR INDEX gồm đánh giá bên trong của cơ quan (*thẩm định của Hội đồng Thẩm định Trung ương*) và đánh giá bên ngoài (*đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; lãnh đạo cấp sở, cấp huyện, cấp phòng; doanh nghiệp và người dân*). Nội dung của Chỉ số được xác định trên 8 lĩnh vực, gồm: (1) Công tác chỉ đạo điều hành CCHC; (2) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; (3) Cải cách thủ tục hành chính; (4) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; (5) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; (6) Cải cách tài chính công; (7) Hiện đại hóa hành chính; (8) Tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

II. Đánh giá kết quả cụ thể Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2020:

Kết quả trong năm 2020, tỉnh Ninh Thuận: **đạt 78/100 điểm, xếp vị thứ 60/63 tỉnh, thành phố (giảm 2.95 điểm và giảm 28 bậc so với năm 2019)**. Cụ thể như sau:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

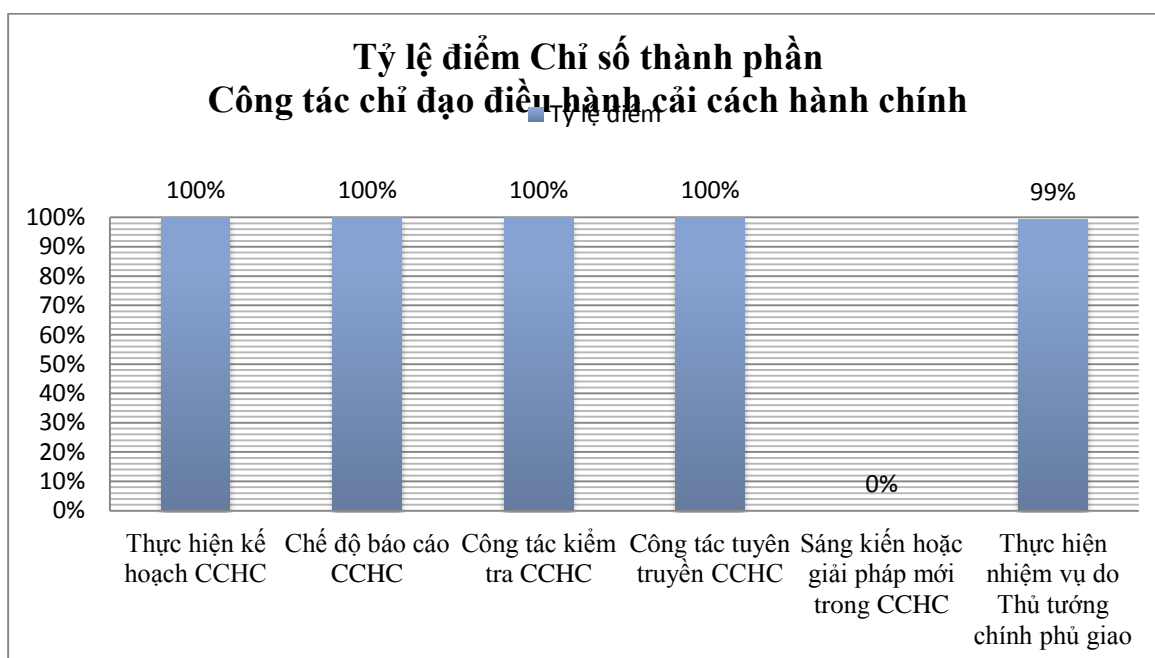
Chỉ số thành phần này tối đa 8.5 điểm (*tự đánh giá bằng văn bản để Hội đồng thẩm định Trung ương đánh giá*); **do nhiều cơ quan phụ trách**.

Kết quả năm 2020 Chỉ số thành phần này đạt 6,49/8.5 điểm tối đa, xếp hạng 59/63; giảm 25 bậc so với năm 2019.

- Các tiêu chí thành phần không đạt điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa là do:

+ Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính: Đạt 0/2 điểm tối đa (*Các sáng kiến cấp tỉnh liên quan đến công tác cải cách hành chính được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận nhưng Hội đồng thẩm định của Bộ Nội vụ không công nhận nên chưa được chấm điểm*).

+ Trong năm 2020, tỉnh Ninh Thuận được Thủ tướng Chính phủ giao 68 nhiệm vụ, đã thành 100% nhưng có 02 nhiệm vụ trễ hạn, nên chỉ đạt 1,49/1,5 điểm tối đa. **Nội dung này do Văn phòng UBND tỉnh phụ trách theo dõi trên phần mềm của Chính phủ.**



- Các nội dung khác thuộc nhiệm vụ phải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính đã đạt điểm tối đa theo Tiêu chí.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tại tỉnh:

Chỉ số thành phần này tối đa là 10 điểm, trong đó có 5.0 điểm tự đánh giá và 5.0 điểm qua điều tra, khảo sát đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, lãnh đạo cấp Sở, cấp huyện, cấp phòng. **Nội dung này do Sở Tư pháp phụ trách theo dõi.**

Kết quả năm 2020 Chỉ số thành phần này đạt 8,3/10 điểm tối đa, xếp hạng 59/63 (giảm 08 bậc so với năm 2019); trong đó:

- Kết quả triển khai của tỉnh bằng văn bản: Đạt 4,2/5 điểm tối đa. Các tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa là do:

+ Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật: Đạt 0.75/1 điểm tối đa (*trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh không có khảo sát, điều tra, xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật trường hợp nào*).

+ Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực: Đạt 0/0.5 điểm tối đa (*ban hành công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực không kịp thời theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP)*).

+ Trong năm 2020, tổng số văn bản cần xử lý 19 văn bản, số văn bản đã hoàn thành việc xử lý 17 văn bản (*đã ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 đình chính các văn bản*), số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành là 02 văn bản (*do sai sót về nội dung, UBND tỉnh đã có chỉ đạo tham mưu sửa đổi, bổ sung*).

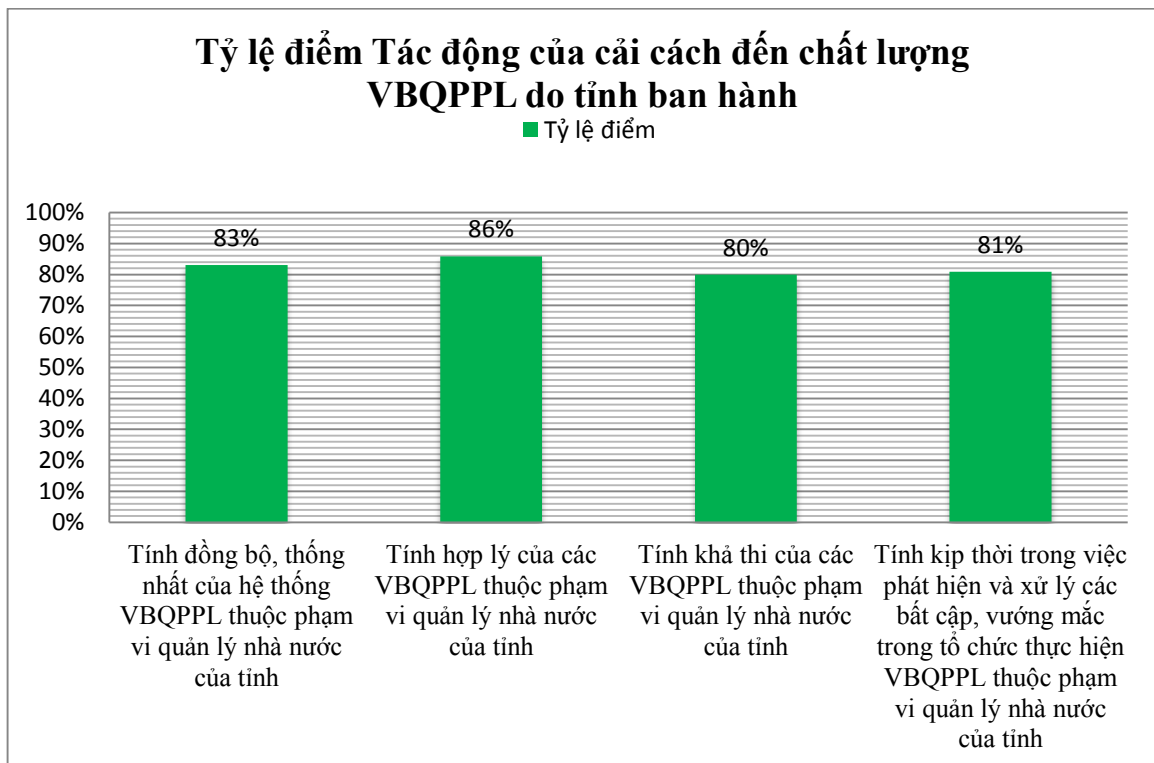
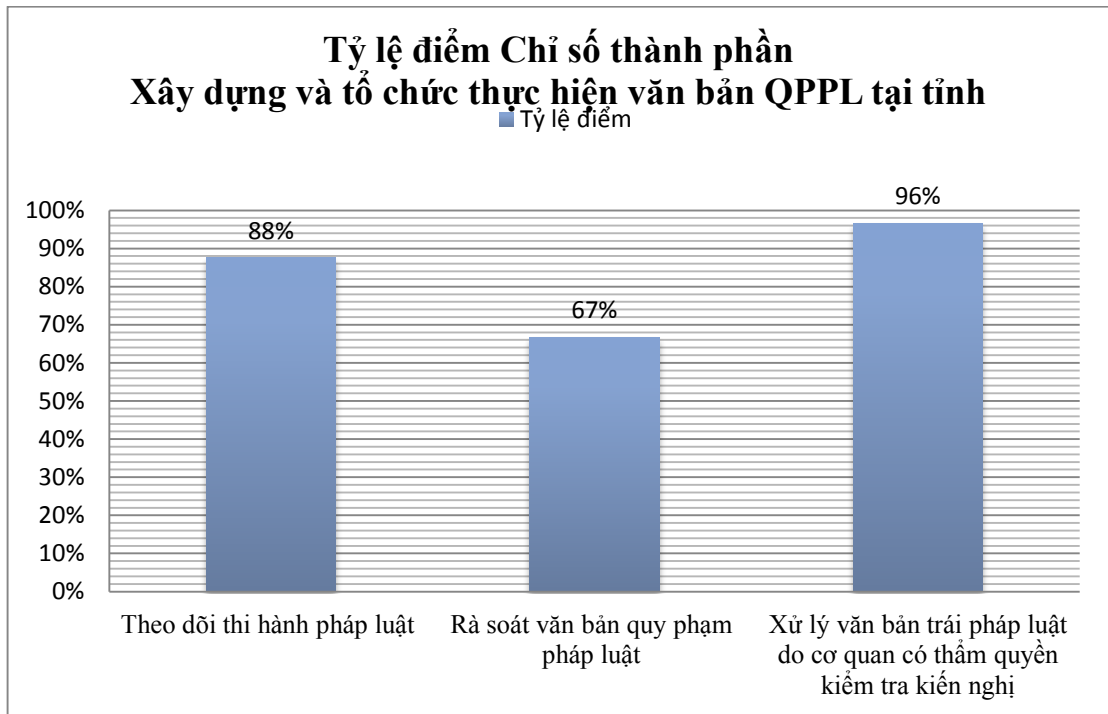
- Kết quả khảo sát đại biểu HĐND tỉnh, Lãnh đạo cấp Sở, cấp huyện, cấp phòng: Đạt 4,1/5 điểm tối đa. Các tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa là do kết quả khảo sát đánh giá chưa đạt 100%:

+ Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, **đạt 0.831/1.0 điểm – tăng 0.035 điểm, đạt 83.1%**;

+ Tính hợp lý của các VB QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, **đạt 0.858/1.0 điểm – tăng 0.027 điểm, đạt 85.8%**;

+ Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, **đạt 1.199/1.5 điểm – tăng 0.141, đạt 79.93%**;

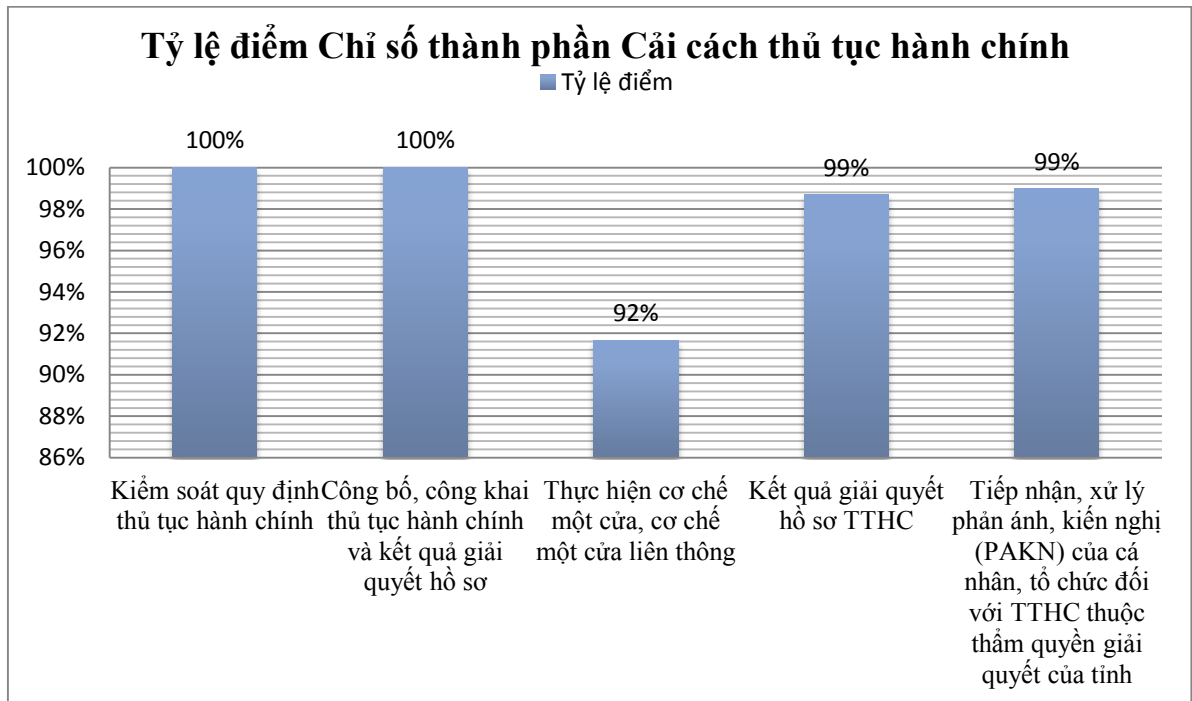
+ Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, **đạt 1.213/1.5 điểm – tăng 0.183 điểm, đạt 80.86%**.



3. Cải cách thủ tục hành chính: Chỉ số thành phần này tối đa 13,5 điểm (*tự đánh giá bằng văn bản để Hội đồng thẩm định Trung ương đánh giá*). *Nội dung này do Văn phòng UBND tỉnh phụ trách theo dõi.*

Kết quả năm 2020 Chỉ số thành phần này đạt 13,17/13,5 điểm tối đa, xếp hạng 41/63; giảm 23 bậc so với năm 2019.

Các tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa là do: Vẫn còn 0,8% hồ sơ giải quyết trễ hẹn, chủ yếu trên lĩnh vực đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; còn 02/97 phản ánh kiến nghị chưa được giải quyết.

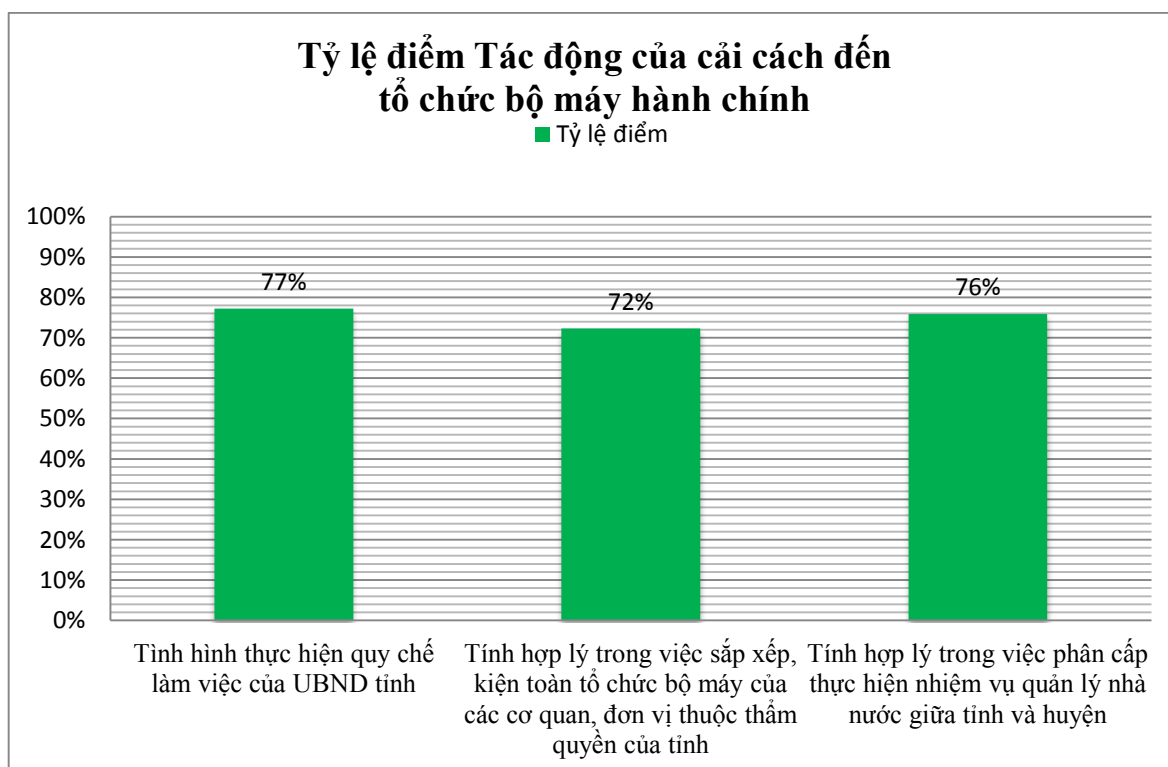
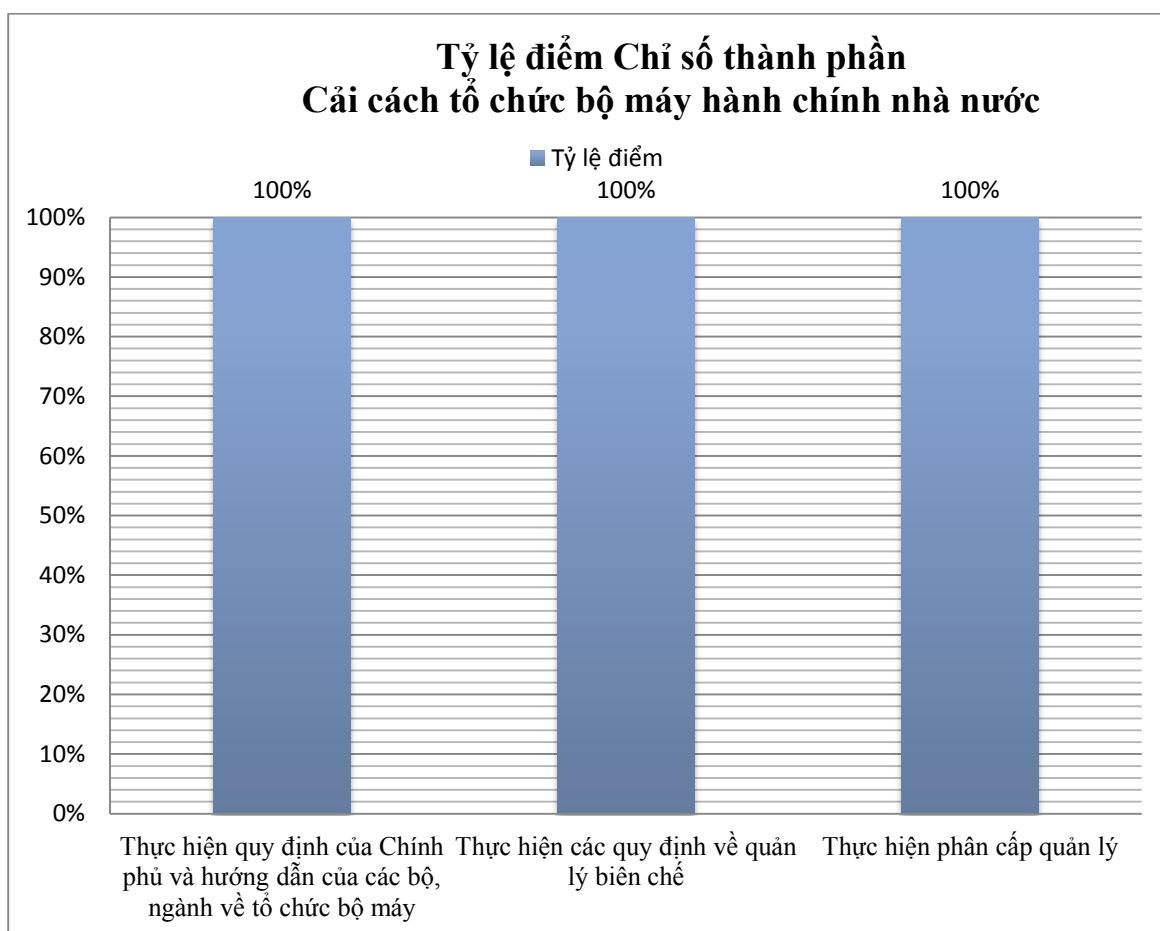


4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

Chỉ số thành phần này tối đa 11.5 điểm, trong đó có 07 điểm tự đánh giá và 4.5 điểm khảo sát đại biểu HĐND tỉnh, lãnh đạo cấp Sở, cấp huyện, cấp phòng. **Nội dung này do Sở Nội vụ phụ trách theo dõi.**

Kết quả năm 2020 Chỉ số thành phần này đạt 10,38/11,5 điểm tối đa, xếp hạng 7/63; tăng 54 bậc so với năm 2019; trong đó:

- Kết quả triển khai của tỉnh bằng văn bản: Đạt 7/7 điểm tối đa.
- Kết quả khảo sát đại biểu HĐND tỉnh, lãnh đạo cấp Sở, cấp huyện, cấp phòng: Đạt 3,38/4,5 điểm tối đa. Các tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa là do kết quả khảo sát đánh giá chưa đạt 100%:
 - + Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh, **đạt 1.158 /1.5 điểm – tăng 0.129 điểm, đạt 77.2%**;
 - + Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh, **đạt 1.084/1.5 điểm – tăng 0.173 điểm, đạt 72.2%**;
 - + Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện, **đạt 1.137/1.5 điểm – tăng 0.101 điểm, đạt 75.8%**.



5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:
Chỉ số thành phần này tối đa 13.5 điểm, trong đó có 7.5 điểm tự đánh giá và 6 điểm khảo sát đại biểu HĐND tỉnh, lãnh đạo cấp Sở, cấp huyện, cấp phòng. *Nội dung này do Sở Nội vụ phụ trách theo dõi.*

Kết quả năm 2020 Chỉ số thành phần này đạt 11,01/13,5 điểm tối đa, xếp hạng 47/63; giảm 42 bậc so với năm 2019; trong đó:

- Kết quả triển khai của tỉnh bằng văn bản: Đạt 6,25/7,5 điểm tối đa. Các tiêu chí thành phần không đạt điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa là do:

+ Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: Đạt 0.25/1 điểm tối đa (*chưa hoàn thành 100% vị trí việc làm đơn vị sự nghiệp, chủ yếu thuộc ngành giáo dục và đào tạo*).

+ Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính: Đạt 0.5/0.75 điểm tối đa (*qua thanh tra của Sở Nội vụ trong năm 2020 thì Sở Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm 01 trường hợp Phó Chánh Văn phòng chưa đủ tiêu chuẩn - bà Đỗ Thị Lan Chiêu đang giữ ngạch cán sự*).

+ Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức: Đạt 0.75/1 điểm tối đa (*có lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở Y tế bị kỷ luật*).

- Kết quả khảo sát đại biểu HĐND tỉnh, lãnh đạo cấp Sở, cấp huyện, cấp phòng: Đạt 4,76/6 điểm tối đa. Các tiêu chí thành phần không đạt điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa là do kết quả khảo sát đánh giá chưa đạt 100%:

+ Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức: ***Đạt 0.854/1.0 điểm – tăng 0.086 điểm;***

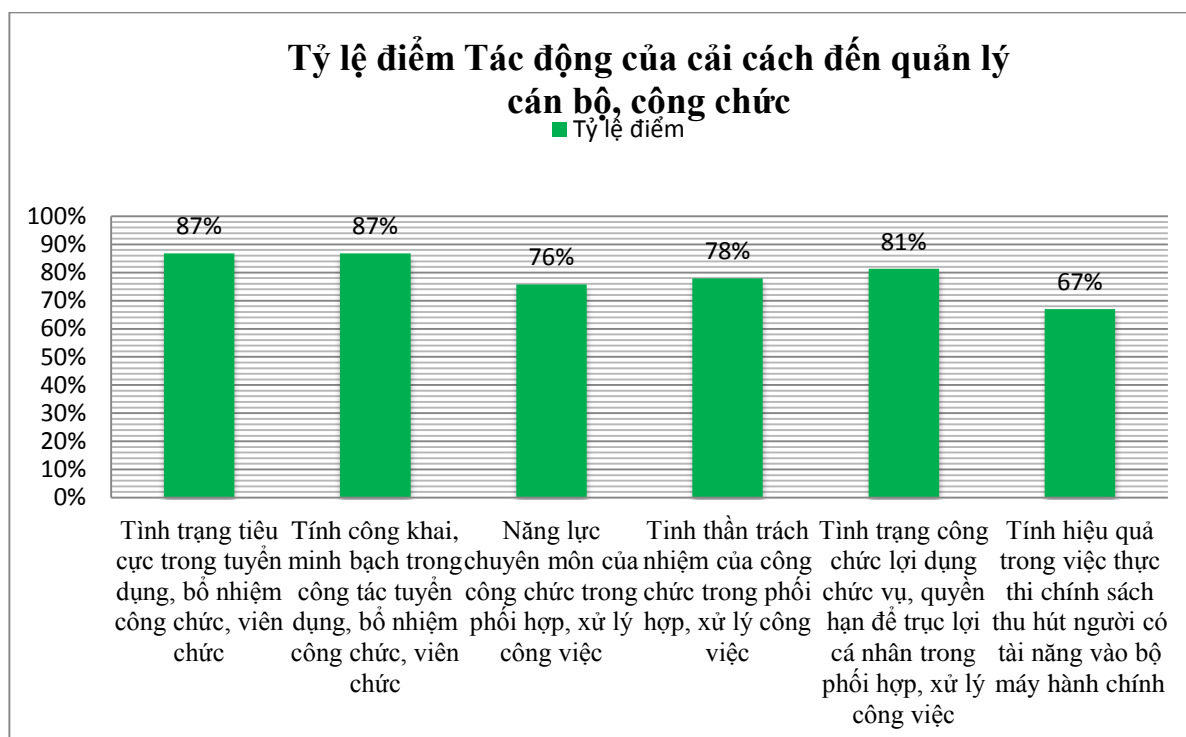
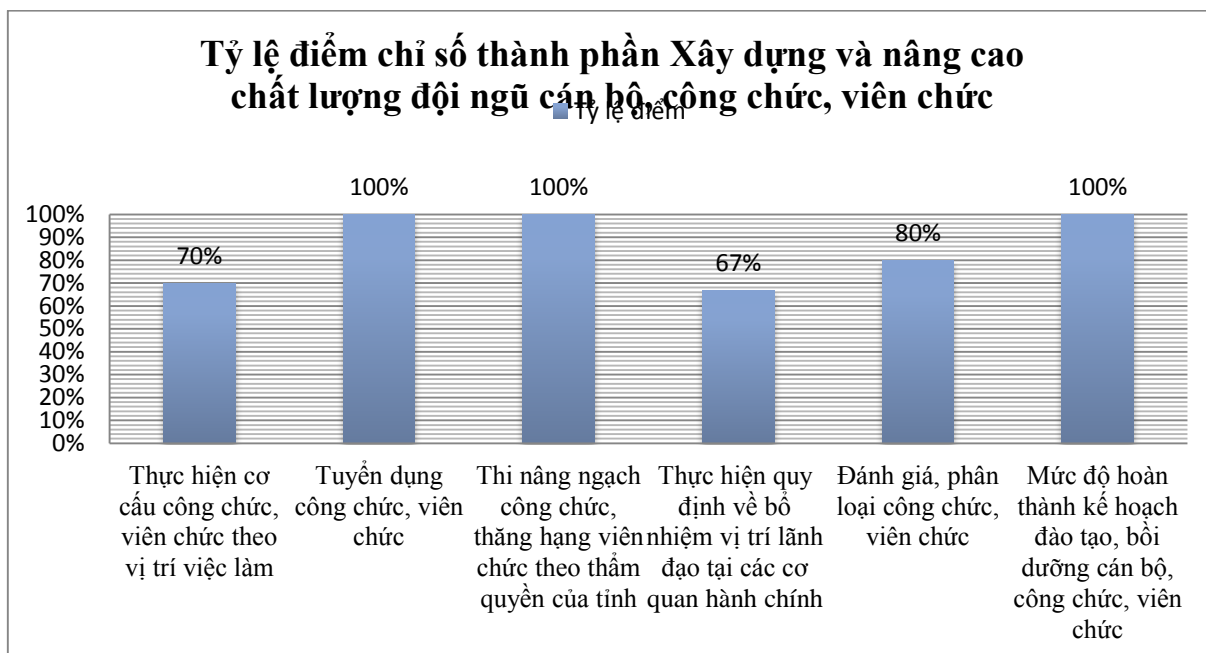
+ Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức: ***Đạt 0.818/1.0 điểm - tăng 0.013;***

+ Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc: ***Đạt 0.757/1.0 điểm – tăng 0.072 điểm;***

+ Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc: ***Đạt 1.779/1.0 điểm – tăng 0.06 điểm;***

+ Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc: ***Đạt 0.813/1.0 điểm – tăng 0.014 điểm;***

+ Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính: ***Đạt 0.670/1.0 điểm – tăng 0.058 điểm.***



6. Cải cách tài chính công:

Chỉ số thành phần này điểm tối đa là 12.5 điểm, trong đó có 8.5 điểm tự đánh giá và 4 điểm khảo sát đại biểu HĐND tỉnh, lãnh đạo cấp Sở, cấp huyện, cấp phòng. **Nội dung này do Sở Tài chính phụ trách theo dõi.**

Kết quả năm 2020 Chỉ số thành phần này đạt 5,96/12 điểm tối đa, xếp hạng 63/63; giảm 13 bậc so với năm 2019; trong đó:

- Kết quả triển khai của tỉnh bằng văn bản: Đạt 2,67/8 điểm tối đa. Các tiêu chí thành phần không đạt điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa là do:

+ Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN) hàng năm: Đạt 0.7382/1 điểm tối đa (*Giải ngân vốn NSNN chỉ đạt 74% - yêu cầu là 100%*).

+ Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN: Đạt 0/1 điểm tối đa (*trong năm 2020, Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang-Tháp Chàm có sai phạm về sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN*).

+ Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Đạt 0.6849/1 điểm tối đa (*Trong năm 2020 thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách chỉ đạt 68% - yêu cầu là 100%*).

+ Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công: Đạt 0.25/0.5 điểm tối đa (*chưa ban hành Quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình*).

+ Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý: Đạt 0/0.5 điểm tối đa (*các cơ quan, đơn vị chưa ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công*).

+ Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý: Đạt 0/0.75 điểm tối đa (*Năm 2020, thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được 23/48 đơn vị - yêu cầu là 100%*).

+ Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Đạt 0.25/0.5 điểm tối đa (*Trong năm 2020 chỉ có thêm 01 đơn vị bảo đảm chi thường xuyên - yêu cầu là từ 02 đơn vị trở lên*).

+ Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: Đạt 0/1 điểm tối đa (*trong năm 2020, có sai phạm về sử dụng nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường*).

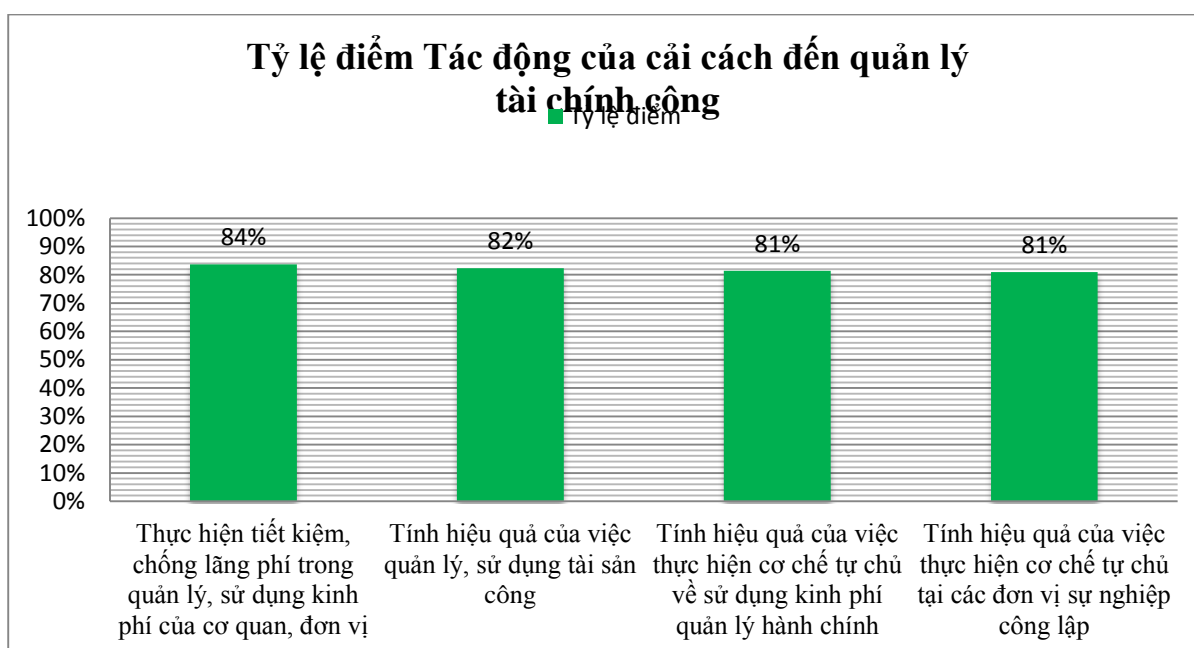
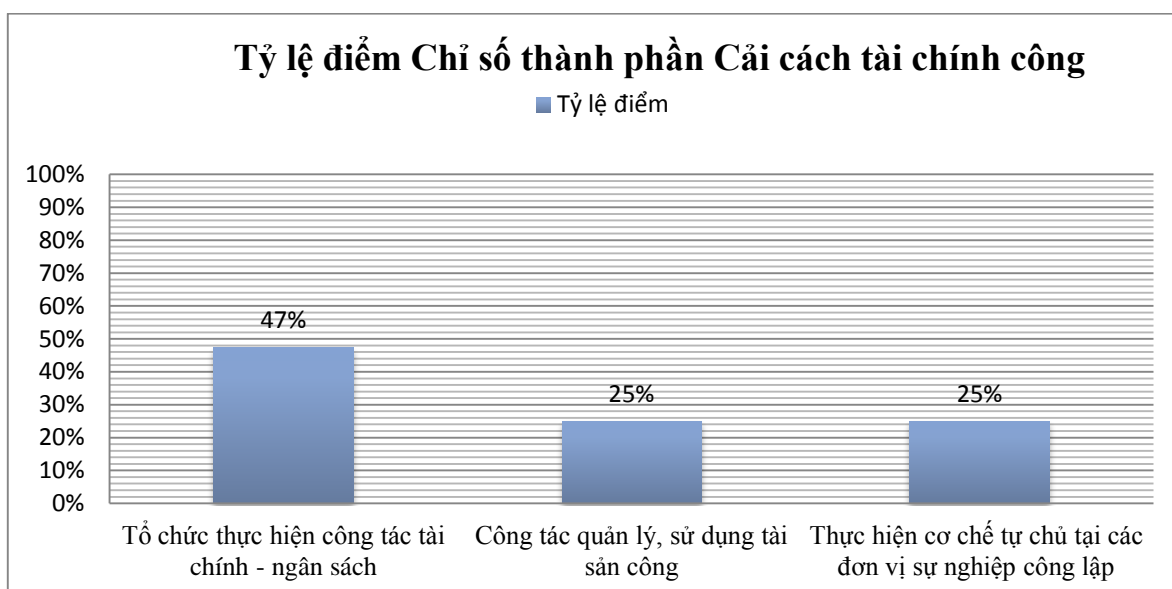
- Kết quả khảo sát đại biểu HĐND tỉnh, lãnh đạo cấp Sở, cấp huyện, cấp phòng: Đạt 3,28/4 điểm tối đa. Các tiêu chí thành phần không đạt điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa là do kết quả khảo sát đánh giá chưa đạt 100%:

+ Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị: **Đạt 0.836/1.0 điểm - tăng 0.03 điểm.**

+ Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công: **Đạt 0.823/1.0 điểm – bằng điểm so với năm 2019.**

+ Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính: **Đạt 0.813/1.0 điểm - tăng 0.008 điểm.**

+ Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập: **Đạt 0.809/1.0 điểm – tăng 0.027 điểm.**



7. Hiện đại hóa nền hành chính:

Chỉ số thành phần này tối đa 15 điểm, trong đó có 11 điểm tự đánh giá và 04 điểm khảo sát đại biểu HĐND tỉnh, lãnh đạo cấp Sở, cấp huyện, cấp phòng. **Nội dung này do Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Khoa học và Công nghệ phụ trách.**

Kết quả năm 2020 Chỉ số thành phần này đạt 10,67/15 điểm tối đa, xếp hạng 62/63; giảm 05 bậc so với năm 2019; trong đó:

- Kết quả triển khai của tỉnh bằng văn bản: Đạt 7,4/11 điểm tối đa. Các tiêu chí thành phần không đạt điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa là do:

+ Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh: Đạt 0/0.5 điểm tối đa (chưa ban hành Kiến trúc 2.0 theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông).

+ Vận hành hệ thống thông tin một cửa điện tử: Đạt 0.25/0.75 điểm tối đa (*do Hệ thống thông tin một cửa điện tử chỉ mới kết nối cấp Sở, cấp huyện; chưa kết nối đến cấp xã*).

+ Xây dựng, vận hành Công dịch vụ công (DVC): Đạt 0.25/0.5 điểm tối đa (*Văn phòng Chính phủ đánh giá thủ tục hành chính của tỉnh chưa có mã số, chưa có danh mục DVC trực tuyến*).

+ Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia: Đạt 0.1399/1 điểm tối đa (*Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia chưa đạt 100%*).

+ Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh: Đạt 0/0.5 điểm tối đa (*Chưa xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh*).

+ Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ: Đạt 0/0.5 điểm tối đa (*Chưa kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ*).

+ Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ: Đạt 0.2601/0.5 điểm tối đa (*Chỉ có 452/1.738 TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ đạt tỷ lệ 26% - yêu cầu là từ 50% trở lên*).

+ Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): Đạt 1/1.25 điểm tối đa (*trong số 814 thủ tục hành chính được công bố tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích thì chỉ có 7.73% thủ tục có phát sinh hồ sơ - yêu cầu là từ 50% trở lên*).

- Kết quả khảo sát đại biểu HĐND tỉnh, lãnh đạo cấp Sở, cấp huyện, cấp phòng: Đạt 3,27/4 điểm tối đa. Các tiêu chí thành phần không đạt điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa là do kết quả khảo sát đánh giá chưa đạt 100%:

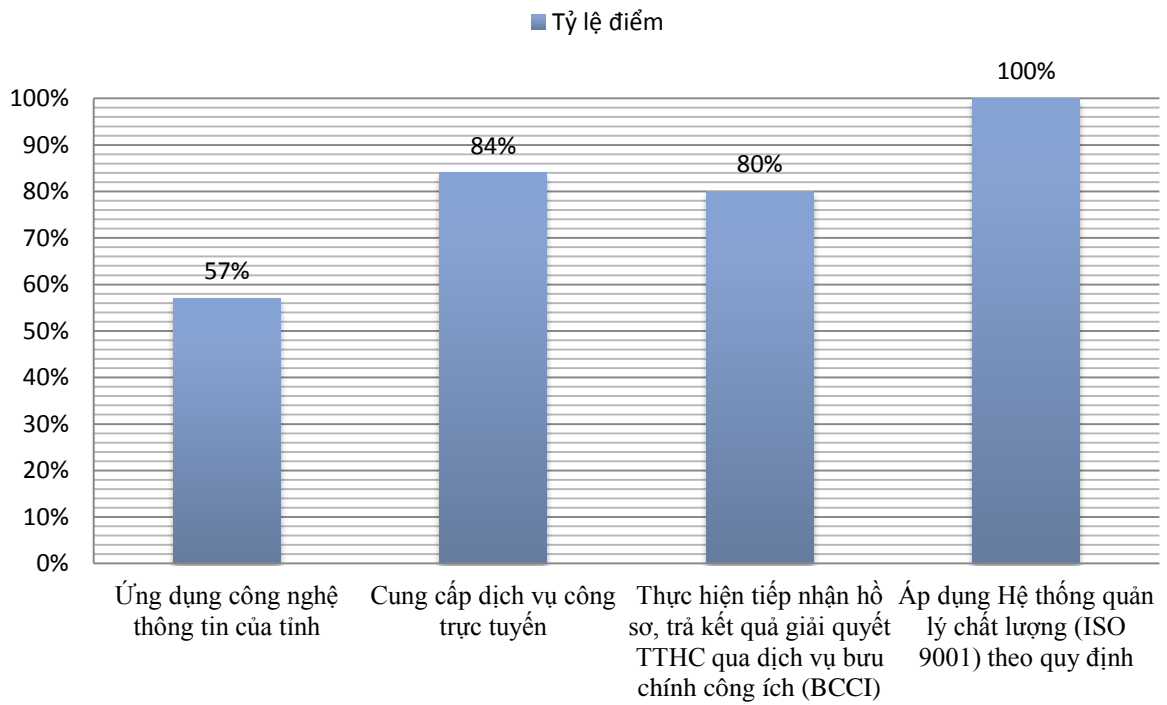
+ Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh: **Đạt 0.834 /1.0 điểm – tăng 0.037 điểm;**

+ Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của tỉnh: **Đạt 0.824/1.0 điểm – tăng 0.039 điểm;**

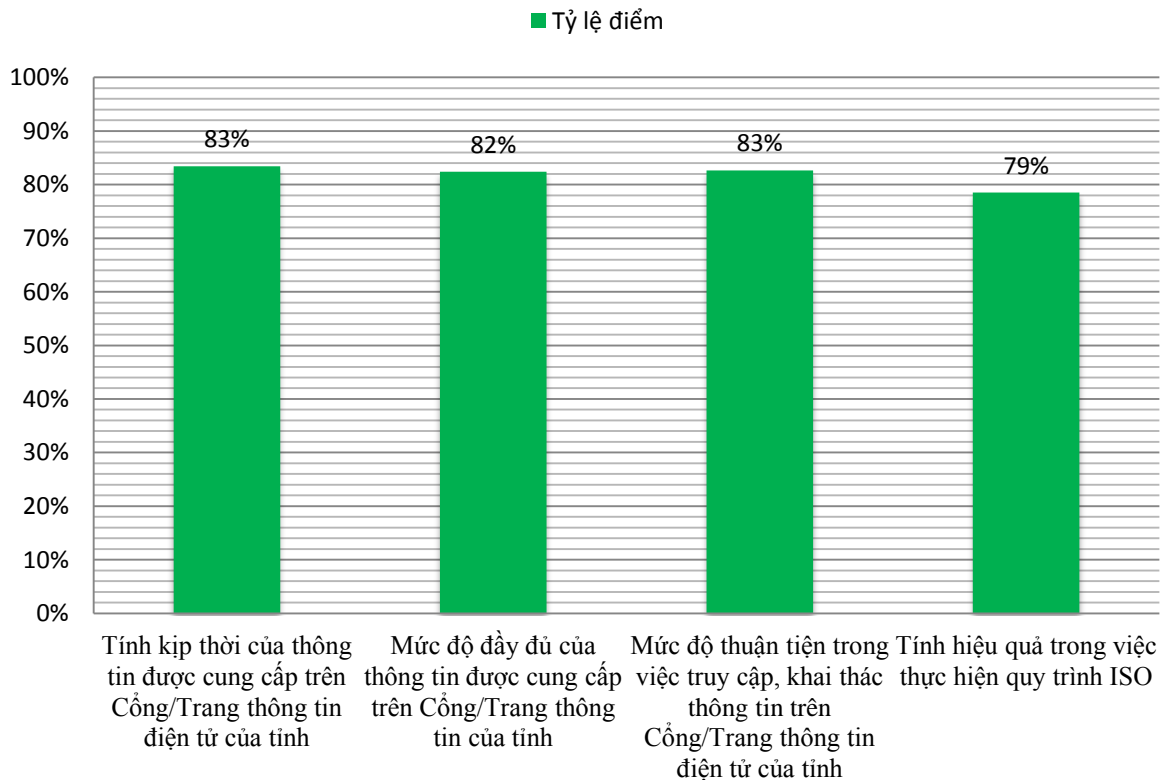
+ Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh: **Đạt 0.826/1.0 điểm – tăng 0.02 điểm;**

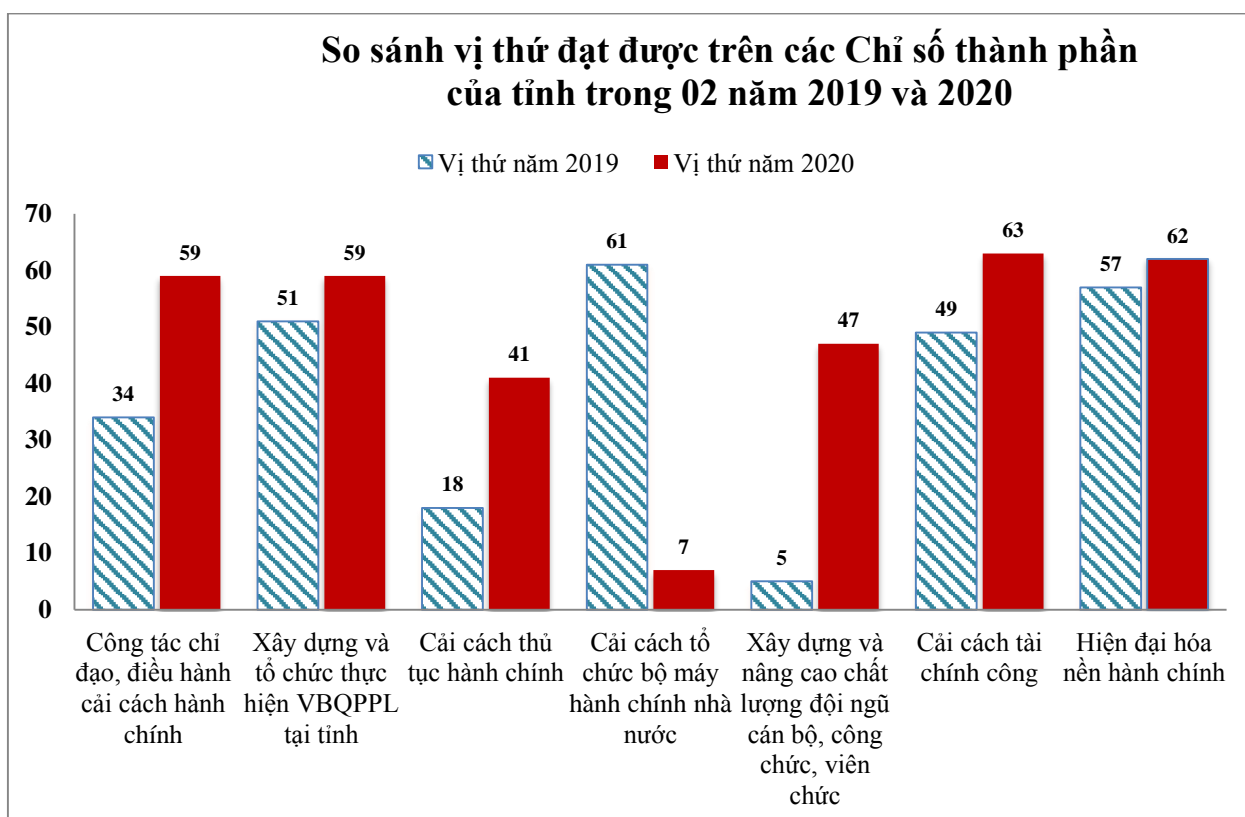
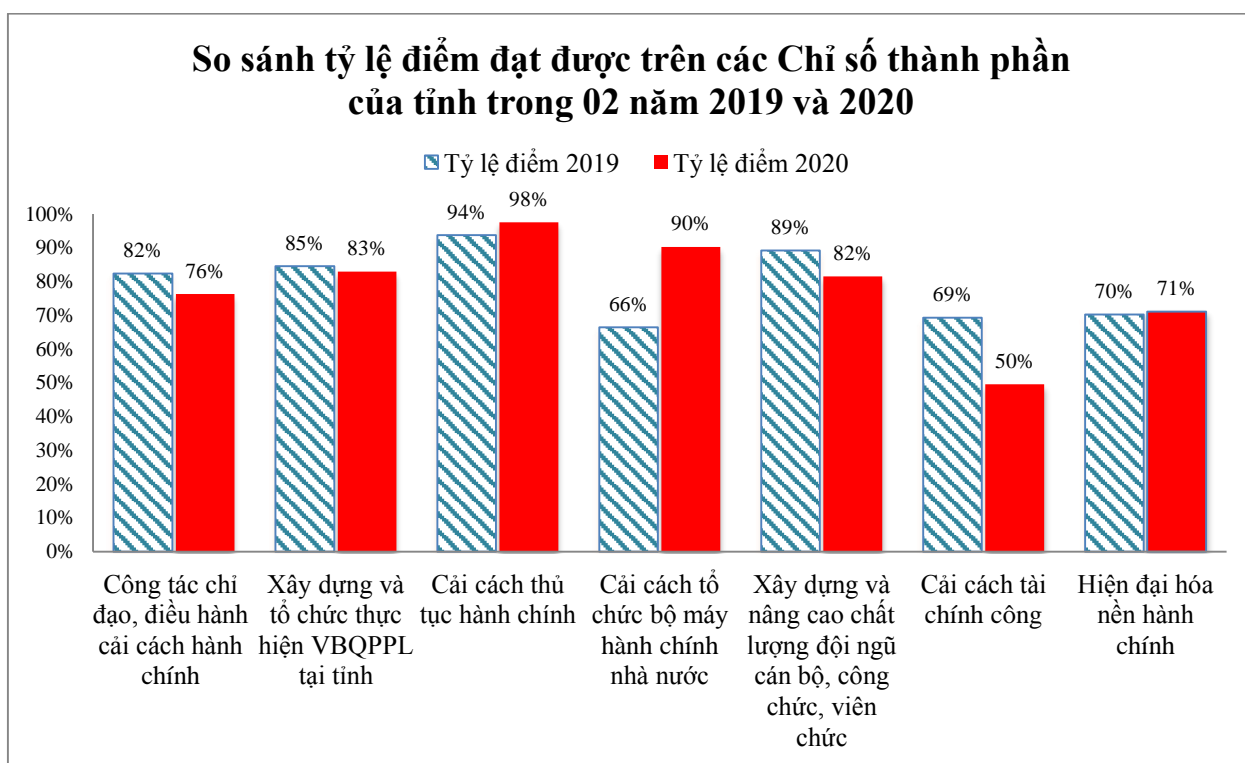
+ Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO: **Đạt 0.785/1.0 điểm – tăng 0.042 điểm.**

Tỷ lệ điểm Chỉ số thành phần Hiện đại hóa nền hành chính



Tỷ lệ điểm Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính





8. Tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh:

Chỉ số thành phần này tối đa 16 điểm, trong đó có 10 điểm khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh (kết quả khảo sát cũng là Chỉ số SIPAS năm 2020 của tỉnh Ninh Thuận) và 06 điểm đánh giá tác động của CCHC đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Kết quả năm 2020 tỉnh Ninh Thuận đạt 12.02/16 điểm giảm 2.08 điểm so với năm 2019 (đạt 75.125%). Cụ thể như sau:

- Kết quả Chỉ số hài lòng: Mức độ hài lòng của người dân đạt 85,17%, xếp hạng 32/63 tỉnh, thành phố (tăng 4,13% và tăng 17 bậc so với năm 2019); theo đó, số điểm đạt được là 8,52/10 điểm tối đa - *cụ thể điểm số của từng tiêu chí thành phần được nêu tại Báo cáo phân tích Chỉ số SIPAS riêng.*

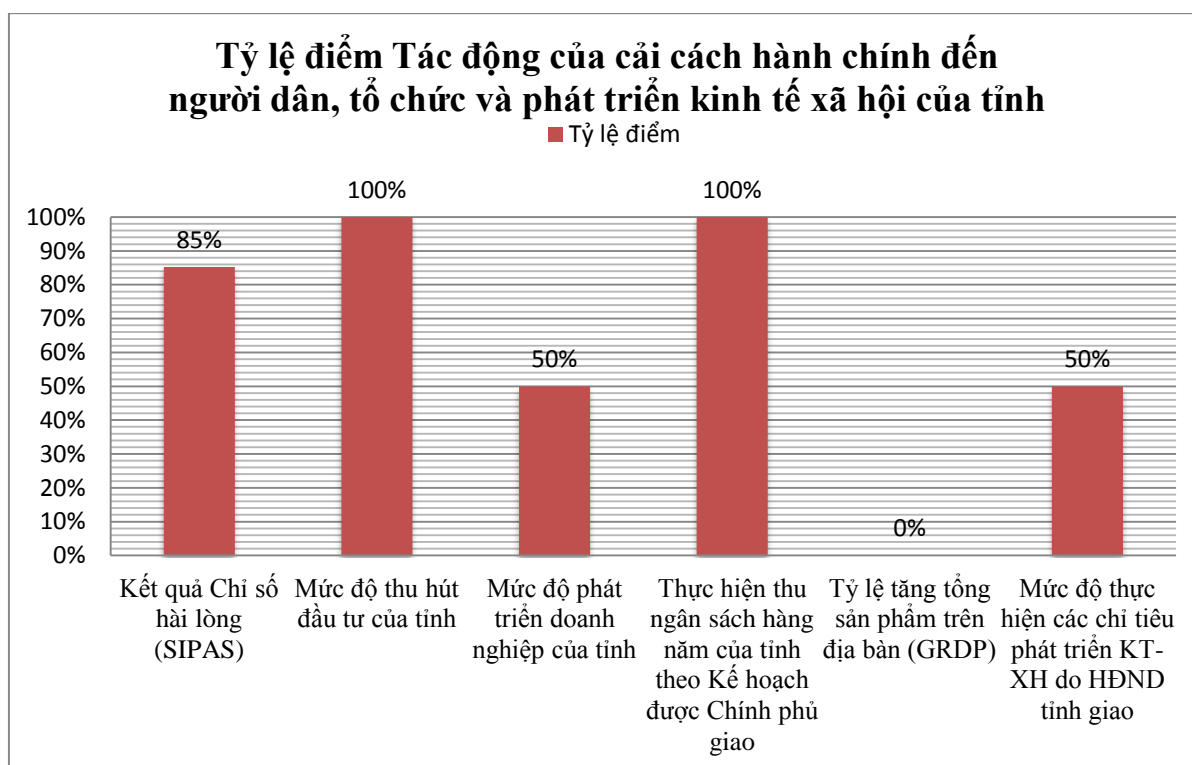
- Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh: Đạt 1/1 điểm tối đa.

- Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh: Đạt 1/2 điểm tối đa. Chỉ số thành phần này không đạt điểm tối đa là do năm 2020 tổng thu ngân sách của khu vực doanh nghiệp đóng góp 1531.4 tỷ, giảm so với năm 2019 (Năm 2019 khu vực doanh nghiệp đóng góp 1728.6 tỷ).

- Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo kế hoạch được Chính phủ giao: Đạt 1/1 điểm tối đa.

- Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn: Đạt 0/1 điểm tối đa. Chỉ số thành phần này không đạt điểm tối đa là do tỷ lệ tăng tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn tỉnh năm 2020 thấp hơn năm 2019 - Theo số liệu công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cục Thống kê tỉnh thì GRDP 2019 = 13.99%, GRDP 2020 = 9.58% (yêu cầu năm sau phải cao hơn năm trước).

- Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao: Đạt 0,5/1 điểm tối đa. Chỉ số thành phần này không đạt điểm tối đa là do năm 2020 có 14/15 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch (yêu cầu là phải 100% chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch).



III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN:

1. Tồn tại, hạn chế:

- Chỉ số CCHC năm 2020 của tỉnh xếp hạng 60/63 tỉnh, thành phố cả nước giảm 2.95 điểm, giảm 25 bậc so với năm 2019; kết quả trong giai đoạn 2016-2020 chưa đạt mục tiêu Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 01/7/2016 của Tỉnh ủy đã đề ra.

- Trong 07 Chỉ số thành phần liên quan trực tiếp đến công tác CCHC thì có 4/7 Chỉ số thành phần giảm điểm, 6/7 Chỉ số thành phần giảm thứ hạng so với năm 2020.

- Công tác CCHC của tỉnh trên một số lĩnh vực được Trung ương đánh giá cao, nhưng qua khảo sát, đánh giá của cán bộ lãnh đạo, quản lý vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, kết quả khảo sát đối với các đối tượng này chỉ đạt 18.79/23.5 điểm; đáng lưu ý là công tác cải cách tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh được triển khai quyết liệt, đồng bộ theo Kế hoạch số 92-KH/TU và Chương trình số 181-CTr/TU ngày 21/02/2018 của Tỉnh ủy đến nay đã được Trung ương đánh giá cao (đạt 100% điểm tối đa), nhưng qua khảo sát cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh chỉ đạt 75,1% (3,38/4,5 điểm tối đa).

- Việc công nhận những giải pháp hay, những sáng kiến về cải cách hành chính chưa được Hội đồng thẩm định công nhận, vì chưa có tính ứng dụng rộng rãi trên địa bàn toàn cả 3 cấp (từ cấp tỉnh đến cấp xã), hầu hết các sáng kiến về CCHC chỉ đáp ứng theo nhu cầu của đơn vị, địa phương.

- Chưa hoàn thành 100% vị trí việc làm đơn vị sự nghiệp, chủ yếu thuộc ngành giáo dục và đào tạo. Một số phòng chuyên môn thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, có trường hợp bổ nhiệm chưa đủ tiêu chuẩn và có lãnh đạo cấp phòng bị kỷ luật.

- Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm và tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách chưa đạt Kế hoạch đề ra. Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp ở địa phương, có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính (*Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang-Tháp Chàm*), có sai phạm về sử dụng nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính (*Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường*). Một số cơ quan, đơn vị chưa ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, chưa quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định tại Nghị định 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

- Việc kết nối Hệ thống một cửa điện tử liên thông tới 3 cấp để xử lý hồ sơ chưa được thông suốt, tròn quy trình và vận hành Cổng dịch vụ công chưa đáp ứng chức năng, yêu cầu, kỹ thuật theo quy định. Chưa xây dựng hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh. Chưa ban hành Kiến trúc 2.0 theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia chưa đạt 100%.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

- Các tiêu chí thành phần thuộc Bộ Chỉ số CCHC năm 2020 có sự điều chỉnh, bổ sung tiêu chí và tổng điểm, bố cục điểm của các chỉ số thành phần, nên công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh chưa kịp thời điều chỉnh cho phù hợp.

- Một số tiêu chí thành phần trong Bộ Chỉ số thuộc về quyền thực hiện của tổ chức, công dân (*việc nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến; việc nộp và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích*) nên kết quả chưa đạt được mục tiêu đề ra.

- Một số nội dung không đạt điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa thuộc về tinh thần trách nhiệm và lỗi chủ quan của cơ quan, đơn vị tham mưu (*Xử lý các vấn đề phân cấp phát hiện qua kiểm tra vẫn còn một số đơn vị không có cơ sở đánh giá mức độ khắc phục*).

- Công tác cải cách hành chính của tỉnh qua khảo sát, đánh giá của cán bộ lãnh đạo, quản lý vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Nội dung này phụ thuộc cách đánh giá của cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh.

B. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU TRONG NĂM 2021:

1. Về điểm số: Phân đầu Chỉ số PAR INDEX của tỉnh tăng từ 4,6 điểm trở lên. Theo đó, điểm số PAR INDEX đạt từ 82,6 điểm trở lên.

2. Về vị thứ: Phân đầu Chỉ số PAR INDEX của tỉnh tăng từ 15 bậc trở lên, xếp vị thứ 45/63 tỉnh, thành phố.

3. Về các Chỉ số thành phần:

a) Về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: Phân đầu điểm số **tăng 1 điểm so với năm 2020 tại mục sáng kiến về công tác cải cách hành chính (thông qua giải pháp ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch phát động sáng kiến cải cách hành chính)**.

b) Về xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL tại tỉnh: Phân đầu điểm số **tăng 0,75 điểm so với năm 2020; trong đó, tăng 0,25 điểm tại mục “Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật” (thông qua giải pháp chủ động ban hành và thực hiện Kế hoạch có khảo sát, điều tra, xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật năm 2021) và tăng 0,5 điểm tại mục “Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực” (thông qua việc Sở Tư pháp chủ động đơn đốc, kiểm tra các đơn vị)**.

c) Về cải cách thủ tục hành chính: **Phân đầu tăng 0,1 điểm thông qua việc giảm tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hẹn.**

d) Về cải cách tổ chức bộ máy: Phân đầu giữ nguyên điểm số và thứ hạng như năm 2020.

đ) Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Phân đầu điểm số **tăng 1 điểm so với năm 2020; trong đó, tăng 0,75 điểm tại mục “Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp bố trí viên chức theo vị trí việc làm” (thông qua giải pháp phê duyệt vị trí việc làm đối với 100% đơn vị sự nghiệp công lập) và tăng 0,25 điểm tại mục “thực hiện quy định về bổ nhiệm cán bộ, quản lý” (thông qua giải pháp chỉ đạo thực hiện nghiêm quy định về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý)**.

e) Về cải cách tài chính công: Phân đầu điểm số tăng **0,75 điểm so với năm 2020**; trong đó, **tăng 0,25 điểm tại mục “ban hành văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công”** (thông qua giải pháp ban hành Quy định danh mục, thời hạn sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình) và **tăng 0,5 điểm tại mục “ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý”** (thông qua giải pháp chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị).

g) Về hiện đại hóa nền hành chính: Phân đầu điểm số tăng **1 điểm so với năm 2020**; trong đó, **tăng 0,5 điểm tại mục “triển khai khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh”** (thông qua giải pháp ban hành Khung kiến trúc 2.0 theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông) và **tăng 0,5 điểm tại mục “vận hành hệ thống một cửa điện tử”** (thông qua giải pháp kết nối hệ thống thông tin một cửa điện tử 03 cấp tỉnh – huyện – xã). Đồng thời, phân đầu tỷ lệ dịch vụ công giải quyết trực tuyến tăng ít nhất 10%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích tăng ít nhất 10% so với năm 2020.

h) Về tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh: Phân đầu Chỉ số SIPAS tiếp tục duy trì ở mức trên 85% (có mục tiêu cụ thể riêng).

4. 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động theo hướng tinh gọn, khắc phục chồng chéo, dàn trải, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ, rà soát, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang các công ty cổ phần; 100% các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập được phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

5. 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng tiến độ thời gian theo Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh và đảm bảo chất lượng, tính khả thi.

6. Cập nhật và công bố kịp thời 100% các thủ tục hành chính theo quy định. 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã được tiếp nhận và trả kết quả ở bộ phận một cửa theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 21/6/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện kiểm tra đột xuất về kết quả giải quyết thủ tục hành chính ít nhất 03 cuộc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

7. Trong năm 2021, phân đầu có ít nhất 10% đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên hoặc tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại Chương trình hành động số 181-CTr/TU ngày 21/02/2018 của Tỉnh ủy.

8. Tiếp tục duy trì, cải tiến và phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 tại 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện; 80% đơn vị hành chính cấp xã xây dựng và áp

dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và các văn bản liên quan.

C. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP: Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ban hành Kế hoạch riêng để khắc phục, cải thiện và duy trì ổn định đồng bộ cả 03 Chỉ số SIPAS, PAR, PAPI của tỉnh trong năm 2021 và những năm tiếp theo ngay sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là Báo cáo phân tích kết quả đánh giá Chỉ số CCHC (PAR INDEX) của tỉnh Ninh Thuận năm 2020./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC (Bộ Nội vụ);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCD CCHC và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Ninh Thuận;
- Đài Phát thanh và Truyền hình;
- VPUB: LĐ, KTTH, TTPVHCC;
- Lưu: VT, VXNV. ĐNĐ

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Nam